| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 45/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 12/7/2023
*"V/v tranh chấp ly hôn, con chung"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đỗ Thị Thanh Nhàn
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Xuân Viện
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Đức Chính – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Nhung – chức vụ Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số: 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 2 năm 2023, về việc "tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987
Địa chỉ: Tổ 6, phường Tích L, TP. T, tỉnh Thái Nguyên
**Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Tổ 6, phường Tích L, TP. T, tỉnh Thái Nguyên
(Chị D và anh T có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên toà chị Dung trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T kết hôn với nhau ngày 03 tháng 10 năm 2006, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên. Thời gian gần đây vợ chồng chị xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không cùng chí hướng làm ăn kinh tế và thường xuyên cãi vã về nuôi dạy con cái. Vợ chồng ly thân từ tháng 11 năm 2021. Anh T thường có lời lẽ xúc phạm, đe doạ Chị D qua tin nhắn điện thoại. Nay Chị D xác định mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không

còn, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên đề nghị Toà giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Phương L, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2007.

Hiện con đang ở với chị, khi ly hôn Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai và tại phiên toà anh T trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn, như Chị D trình bày. Từ năm 2006, anh T kinh doanh gặp nhiều khó khăn và bận rộn hơn nên không có thời gian chăm lo cho gia đình, bản thân anh thực lòng yêu thương gia đình mong muốn hàn gắn tình cảm, vợ chồng vì gia đình con cái.

Tại phiên toà, anh T đồng ý ly hôn nếu Chị D đồng ý giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Phương L, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2007.

Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T và Chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và Chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Cháu Trần Phương L có đơn trình bày nguyện vọng là được ở với mẹ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh T không hợp tác vì vậy vụ kiện phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

*Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tiếp nhận đơn của Tòa án, việc thụ lý đơn khởi kiện và quá trình giải quyết của Hội đồng xét xử và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 BLTTDS, Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326 của Quốc hội, giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D cho Chị D được ly hôn anh Trần Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Cháu Trần Phương L, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2007.

Giao con Trần Phương L cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

- Về sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

- Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án ly hôn căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh T hiện đang cư trú tại thành phố Thái Nguyên, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

**[2]** Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T kết hôn với nhau ngày 03 tháng 10 năm 2006, đăng ký kết hôn Uỷ ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Phổ Yên nay là phường Tân Phú, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đủ điều kiện được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Chị Dung xác định vợ chồng chị xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không cùng chí hướng làm ăn kinh tế và thường xuyên cãi vã về nuôi dạy con cái. Vợ chồng ly thân từ tháng 11 năm 2021. Đến nay chị Dung xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, chị có nguyện vọng xin được ly hôn với anh T. Anh T xác định từ năm 2006, anh T kinh doanh vừa không có thời gian, công việc làm ăn lại gặp nhiều khó khăn nên không có thời gian chăm lo cho gia đình. Tại phiên toà anh T đồng ý ly hôn nếu Chị D nhất trí giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, phía Chị D không nhất trí. Hội đồng xét xử nhận thấy thực tế trong cuộc sống vợ chồng anh, chị đã xảy ra những mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống từ khi Chị D có đơn ly hôn nộp tại Tòa anh T vẫn có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ nhưng trong thời gian giải quyết ly hôn tại toà vợ chồng vẫn không cải thiện tình cảm vợ chồng nên Chị D vẫn không thay đổi tình cảm, kiên quyết ly hôn với mong muốn sớm ổn định lại cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, tình

cảm Chị D và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy, chấp nhận đơn ly hôn của Chị D, cho Chị D được ly hôn với anh T như vậy là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

**[3]** Về con chung: Có 01 con chung là Trần Phương L, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2007.

Chị D và anh T đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Xét thấy, cần đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ nhỏ trên cơ sở nguyện vọng của Chị D và cháu Linh nên giao con Trần Phương L cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81Luật hôn nhân và gia đình.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh T tự thỏa thuận nên Tòa án không giải quyết

**[4]** Về tài sản chung và nợ chung: Do Chị D và anh T không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

**[5]** Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[6]** Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

**1**. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D cho Chị D được ly hôn anh Trần Văn T.

**2**. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Cháu Trần Phương L, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2007.

Giao con Trần Phương L cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3**. Về tài sản chung và nợ chung: Do Chị D và anh T không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

**4**. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được chuyển từ tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0000630 ngày 15/2/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

**5**. Quyền kháng cáo: Chị D và anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND t. Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
-THADSTP Thái Nguyên;
- Đương sự;
- UBND p. Tân Phú, Thành phố Phổ Yên;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhàn**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhàn**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhàn**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
-THADSTPTN;
- Đương sự;
- UBND xã Đồng Liên;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhàn**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhàn**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
-THADSTPTN;
- Đương sự;
- UBND xã Quảng Minh, h.Việt Yên, t.Bắc Giang;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhàn**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhàn**

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
-THADSTPTN;
- Đương sự;
- UBND P.Tích Lương;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhàn**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhàn**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Thư**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH;
(phường Cam Giá, TN);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT, BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Anh Thư**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Hồng Thái**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH;
(xã Hồng Tiến,Phổ Yên, TN);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT, BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

**Mai Thị Hồng Thái**